

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-VP ngày 21/9/2026 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
			Trung tâm CBTH	Trung tâm DVHCHN	Trung tâm Thông tin-Hội nghị
A	B	1	2	3	4
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	-2.458.104.709	-980.650.515	3.438.755.224
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (160-171)	980.650.515	-2.458.104.709	0	3.438.755.224
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	579.933.294	-1.055.811.049	0	1.635.744.343
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	400.717.221	-1.402.293.660	0	1.803.010.881
2	Chi sự nghiệp kinh tế (280-338)	-980.650.515	0	-980.650.515	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-579.933.294	0	-579.933.294	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-400.717.221	0	-400.717.221	0
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		<u>1103293</u>	<u>1078283</u>	<u>1175188</u>
	Mã số KBNN nơi giao dịch		2111	2127	2111

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Đơn vị: Trung tâm Công báo và Tin học Quảng Ngãi
Mã số: 1103293

Mã KBNN nơi giao dịch: 2111

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-VP ngày 21/9/2026 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao tại Quyết định 234/QĐ-VP ngày 12/12/2025	Dự toán còn lại đến hết tháng 7/2026 (đã đối chiếu KBNN)	Kinh phí điều chỉnh: Tăng (+)/giảm(-)
A	B			
	Tổng dự toán chi NSNN	5.749.000.000	2.458.104.709	-2.458.104.709
I	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (160-171)	5.749.000.000	2.458.104.709	-2.458.104.709
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.496.000.000	1.055.811.049	-1.055.811.049
	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	2.022.000.000	837.612.739	-837.612.739
	Kinh phí hoạt động theo định mức	474.000.000	218.198.310	-218.198.310
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.253.000.000	1.402.293.660	-1.402.293.660
a	Cung cấp thông tin trên Internet; Quản lý vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu và mạng LAN/WAN	3.253.000.000	1.402.293.660	-1.402.293.660

PHỤ LỤC 03
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ Hành chính - hội nghị tỉnh Quảng Ngãi
Mã số: 1078283

Mã KBNN nơi giao dịch: 2127

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-VP ngày 21/9/2026 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao tại Quyết định 234/QĐ-VP ngày 12/12/2025	Dự toán còn lại đến hết tháng 7/2026 (đã đối chiếu KBNN)	Kinh phí điều chỉnh: Tăng (+)/giảm(-)
A	B			1
	Tổng dự toán chi NSNN	2.328.000.000	980.650.515	-980.650.515
I	Chi sự nghiệp kinh tế (280-338)	2.328.000.000	980.650.515	-980.650.515
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.108.000.000	579.933.294	-579.933.294
	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	801.000.000	408.007.048	-408.007.048
	Kinh phí hoạt động theo định mức	307.000.000	171.926.246	-171.926.246
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.220.000.000	400.717.221	-400.717.221
	Tòa AB	194.909.176	0	0
	Hội trường Ngọc Linh	455.000.000	218.380.892	-218.380.892
	Trụ sở 67	570.090.824	182.336.329	-182.336.329

PHỤ LỤC 04
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Đơn vị: Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Quảng Ngãi
Mã số: 1175188

Mã KBNN nơi giao dịch: 2111

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-VP ngày 21/9/2026 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí điều chỉnh: Tăng (+)/giảm(-)
A	B	1
	Tổng dự toán chi NSNN	3.438.755.224
I	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (160-171)	3.438.755.224
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.635.744.343
	<i>Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương</i>	1.245.619.787
	<i>Kinh phí hoạt động theo định mức</i>	390.124.556
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.803.010.881
<i>a</i>	<i>Cung cấp thông tin trên Internet; Quản lý vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu và mạng LAN/WAN</i>	1.402.293.660
<i>b</i>	<i>Hội trường Ngọc Linh</i>	218.380.892
<i>c</i>	<i>Trụ sở 67</i>	182.336.329